TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BG** **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2022/DS-ST
Ngày 18/02/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Bà Nguyễn Thị Biên.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Tống Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa: Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2021/TLST – DS ngày 13/10/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2021/QĐXXST – DS ngày 31/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Hà Thị V, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Số nhà 164 đường TNH, phường TNH, thành phố BG, tỉnh BG.

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 7, hẻm 26, tổ dân phố TD, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn – Bà Hà Thị V trình bày:

Bà có mối quan hệ họ hàng xa với anh Nguyễn Văn Đ. Ngày 05/12/2019 âm lịch (tức ngày 30/12/2019 dương lịch), bà cho anh Đ vay 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), có lập Giấy vay tiền, ghi ngày 5-12-2019 âm lịch, anh Đ ký xác nhận vào giấy vay. Hai bên thỏa thuận có lãi nhưng không thoả thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, hẹn thời gian anh Đ phải trả là ngày 05/02/2020 âm lịch (tức ngày 27/02/2020 dương lịch).

Ngày 20/12/2019 âm lịch (tức ngày 14/01/2020) dương lịch, anh Đ tiếp tục đến nhà hỏi vay bà số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Do anh Đ đang vội, cần tiền gấp, dặn bà ghi thêm vào giấy vay nợ tổng số 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu), anh Đ cam kết miệng vài hôm nữa quay lại trả đủ số tiền này. Sau đó, bà giao tiền cho anh Đ và tự viết thêm vào Giấy vay tiền ngày 05/12/2019 âm lịch dòng chữ: "20/12/2019 vay tiếp 50.000.000đ Tổng là 150.000.000đ".

Tổng số tiền gốc bà đã cho anh Đ vay là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Sau khoảng 02 tháng kể từ khi vay tiền, anh Đ đã trả 02 lần, tổng cộng được 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng). Khi bà nhận khoản tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) từ anh Đ, hai bên không lập văn bản, chỉ đưa tay. Bà xác định anh Đ đã trả 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) vào số nợ gốc. Kể từ sau thời điểm đó, anh Đ không trả bà thêm khoản tiền nào, mặc dù bà đã gọi điện thoại và đến nhà tìm gặp nhiều lần.

Nay bà yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền nợ gốc là 144.000.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày quá hạn nợ 28/02/2020 dương lịch đến khi xét xử sơ thẩm. Bà xác định giao dịch vay tiền giữa bà và anh Đ là giao dịch cá nhân, không liên quan đến người thứ ba nào khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Anh Nguyễn Văn Đ không đến Toà án làm việc, hoà giải theo triệu tập. Tuy nhiên, anh có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

Anh xác nhận đã vay của bà V tổng số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), xác nhận có làm giấy vay tiền với sáu mã vay (Mã thứ nhất đến mã thứ năm, mỗi lần vay 20.000.000đồng; Mã thứ hai 01 lần vay 50.000.000đồng). Về lãi suất, anh phải trả bà V 2.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày. Anh đã trả cho bà V lãi đều đặn từ khi vay, tuy nhiên, đến khi Nhà nước có quy định về tín dụng đen thì anh dừng trả lãi. Nay bà V khởi kiện yêu cầu anh trả nợ, anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại phiên toà:*

Nguyên đơn là bà V giữ yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền nợ gốc là 144.000.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi 10%/năm theo quy định pháp luật kể từ ngày quá hạn nợ 28/02/2020 dương lịch đến khi xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ chưa tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, vắng mặt tại các phiên tòa.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền gốc đã vay là 144.000.000đồng và tiền lãi được tính theo mức lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm ngày 28/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Đề nghị tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân liên quan đến giao dịch dân sự, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án, bị đơn có địa chỉ tại thành phố BG nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố BG theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, không đương sự nào yêu cầu áp

dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn vắng mặt, nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền vay của nguyên đơn:

Nguyên đơn xác định bị đơn có vay của nguyên đơn 150.000.000 đồng, bị đơn là cũng xác nhận đã vay của nguyên đơn số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả 6.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền gốc 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Bị đơn không đưa ra chứng cứ nào chứng minh việc đã trả tiền vay. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là anh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 144.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn:

Trong Giấy vay tiền đề ngày 5-12-2019 âm lịch, ghi số tiền anh Đ vay là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), hẹn ngày 5-2-2020 âm lịch sẽ trả; Đến ngày 20/12/2019 vay tiếp 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), tổng là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tuy không ghi thỏa thuận về lãi nhưng phía nguyên đơn xác định hai bên có thỏa thuận lãi miệng với nhau nhưng không cụ thể mức lãi suất, phía bị đơn xác định khoản lãi phải trả là 2.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh việc đã trả lãi cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng hiện đang có tranh chấp về mức lãi suất. Ngày 05/02/2020 âm lịch (tức ngày 27/02/2020 dương lịch), bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn theo giấy vay nợ nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật tính từ 28/02/2020. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả trên số tiền vay gốc kể từ ngày 28/02/2020 với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 458 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó, tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tính như sau:

- Tính từ ngày 28/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 01 năm 11 tháng 22 ngày, số tiền lãi là: 144.000.000 đồng x 01 năm x 10% + 144.000.000 đồng x 11 tháng x 0,83% + 144.000.000 đồng x 22 ngày x 0,027% = 14.400.000 đồng + 13.147.000 đồng + 855.360 đồng = 28.402.360 đồng.

[2.3] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự không thỏa thuận được nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hà Thị V. Buộc anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị V tổng số tiền: 172.402.360 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 144.000.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và nợ lãi kể từ ngày 28/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 28.402.360 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 8.620.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. BG;
- VKSND T. BG
- VKS TP BG,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**